

Số: *10* /2025/NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày *29* tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quy định số 121-QĐ/TW, ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Ban Bí thư quy định về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp cao thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý;

Thực hiện Kết luận số 35-KL/TW, ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở; Công văn số 5169-CV/BTCTW, ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ban Tổ chức Trung ương về việc ban hành danh mục chức danh, chức vụ tương đương của các địa phương;

Thực hiện Quyết định số 1266/QĐ-BYT ngày 21 tháng 3 năm 2020 của Bộ Y tế về việc ban hành quy định tiêu chuẩn phân loại sức khỏe cán bộ và mẫu phiếu khám sức khỏe cán bộ;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và định mức chi hỗ trợ chế độ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo số 80/BC-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên giải trình, làm rõ một số nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của các Tổ đại biểu tại Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp chuyên đề), Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ của tỉnh Thái Nguyên;

b) Nghị quyết số 21/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định nội dung và mức chi khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng, thăm ốm, thăm viếng đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ năm (Kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 29 tháng 8 năm 2025./. Ch

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Y tế (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Các cơ quan ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Thái Nguyên;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đăng Bình

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 10 /2025/NQ-HĐND)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh, điều dưỡng đối với cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ tiền khởi nghĩa, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và một số đối tượng khác trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng 1

- a) Ủy viên Trung ương Đảng (bao gồm Ủy viên chính thức và Ủy viên dự khuyết);
- b) Bí thư Tỉnh ủy;
- c) Phó Bí thư Tỉnh ủy;
- d) Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh;
- đ) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- e) Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tỉnh;
- g) Cán bộ có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều này trở lên của Trung ương và địa phương khác đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng 2

- a) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- c) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- d) Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tỉnh;
- đ) Đại biểu Quốc hội tỉnh đương nhiệm;
- e) Nguyên Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoạt động chuyên trách theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

g) Cán bộ lão thành cách mạng (người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945), cán bộ tiền khởi nghĩa (người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945), Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

h) Cán bộ có quân hàm cấp tướng trong lực lượng vũ trang nhân dân đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

i) Cán bộ có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này của Trung ương và địa phương khác đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng 3

a) Cấp trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;

b) Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh;

c) Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương của tỉnh; Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Trưởng các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;

d) Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh;

đ) Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh; Tổng Biên tập Báo và phát thanh truyền hình tỉnh; Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên;

e) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh kiêm cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh (*Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn lao động, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh*);

g) Các chức danh nguyên chức: Bí thư các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh;

h) Cán bộ có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này của Trung ương và địa phương khác đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

4. Đối tượng 4

a) Cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;

b) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

c) Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng; Thư ký đồng chí Bí thư Tỉnh ủy; Phó Bí thư chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương của tỉnh; Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Phó Trưởng ban các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh; Ủy viên Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy; Bí thư đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;

đ) Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh; Phó Tổng Biên tập Báo và phát thanh truyền hình tỉnh; Phó Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp Thái Nguyên;

e) Cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh (Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn lao động, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh);

g) Các chức danh nguyên chức: Phó Bí thư các huyện ủy, thành ủy, thị ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã;

h) Cấp trưởng các Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (được giao biên chế); cấp trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

i) Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần; Giám đốc các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước chi phối đóng trên địa bàn tỉnh;

k) Cấp trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

l) Cán bộ có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 4 Điều này của Trung ương và địa phương khác đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

m) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

n) Sĩ quan lực lượng vũ trang hàm Đại tá tham gia cả 3 cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh biên giới đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

o) Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Phó Giám đốc Công an tỉnh;

p) Sĩ quan lực lượng vũ trang hàm Đại tá, Thượng tá có chức danh tương đương Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Phó Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Phó Giám đốc Công an tỉnh đã nghỉ hưu, đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

q) Thầy thuốc Nhân dân, Nhà giáo Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

5. Đối tượng 5

a) Các chức danh nguyên chức: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thành phố, thị xã; Ủy viên Ban Thường vụ các huyện ủy, thành ủy, thị ủy và đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Đảng bộ tỉnh;

b) Nguyên Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân các huyện, thành phố, thị xã hoạt động chuyên trách theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

c) Phó Bí thư đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;

d) Cấp phó các Hội quần chúng cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (được giao biên chế); cấp phó các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh là chủ sở hữu; Phó Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần; Phó Giám đốc các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước chi phối đóng trên địa bàn tỉnh;

e) Cấp trưởng các đơn vị trực thuộc các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh đương chức;

g) Cấp phó các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;

h) Các trường hợp chức danh khi nghỉ hưu không phải chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nhưng trong quá trình công tác có thời gian đảm nhiệm chức vụ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (chỉ áp dụng đối với các trường hợp điều động cán bộ do sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy, trừ các trường hợp bị xử lý kỷ luật trước khi điều động bổ nhiệm);

i) Giáo sư đang làm việc tại các cơ quan đóng trên địa bàn tỉnh hoặc đã nghỉ hưu nhưng đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh;

k) Sĩ quan lực lượng vũ trang có quân hàm Trung tá trở lên trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ hiện đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

6. Đối tượng 6

a) Sĩ quan lực lượng vũ trang được thăng cấp bậc hàm Đại tá trong thời gian đang công tác (trước khi có quyết định nghỉ chờ hưu), đang thường trú trên địa bàn tỉnh (Đại tá công an nhân dân phải có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên);

b) Sĩ quan lực lượng vũ trang có chức danh trước khi nghỉ hưu không phải chức danh do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý nhưng trong quá trình công tác có thời gian đảm nhiệm chức vụ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (không do sắp xếp, sáp nhập tổ chức bộ máy, trừ các trường hợp bị xử lý kỷ luật trước khi điều động bổ nhiệm);

c) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đương nhiệm.

7. Đối tượng 7

Cán bộ thuộc bộ, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương đến tỉnh công tác, làm việc với Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh có phát sinh vấn đề về sức khỏe.

8. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương có liên quan; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được giao thực hiện nhiệm vụ quy định từ Điều 4 đến Điều 9 và Điều 11 Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện áp dụng

1. Đối tượng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 2 của Nghị quyết này mà không ghi là đương chức hay nguyên chức thì được hiểu là áp dụng đối với cả đương chức và nguyên chức.

2. Nguyên chức được hiểu là cán bộ đã nghỉ hưu; cán bộ tại thời điểm nghỉ hưu giữ chức vụ nào thì hưởng chế độ hỗ trợ ở chức vụ đó. Riêng đối tượng quy định tại điểm h khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này, chức danh làm căn cứ xác định thuộc diện bảo vệ, chăm sóc sức khỏe là chức danh trước khi được cấp có thẩm quyền điều động cán bộ.

3. Cán bộ đảm nhiệm nhiều chức danh quy định tại Điều 2 Nghị quyết này chỉ được hưởng chế độ hỗ trợ đối với chức danh cao nhất.

4. Cán bộ cơ quan Trung ương, địa phương khác khi nghỉ hưu sinh sống và thường trú trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chỉ được hưởng các chế độ quy định tại Nghị quyết này khi có văn bản xác nhận chưa được hưởng chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của cơ quan Trung ương hoặc Sở Y tế tỉnh nơi công tác trước khi nghỉ hưu.

5. Trường hợp người có chức danh thuộc đối tượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 2 Nghị quyết này bị cấp có thẩm quyền kỷ luật bằng hình thức miễn nhiệm, cách chức trở lên hoặc xóa tư cách chức vụ đã đảm nhiệm trong Đảng hoặc chính quyền thì không được hưởng chế độ hỗ trợ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.

6. Các văn bản được làm căn cứ để ban hành các nội dung quy định tại Nghị quyết này nếu được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 4. Hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ

1. Đối tượng 1

Nội dung và địa điểm khám thực hiện theo Kế hoạch khám hằng năm của Trung ương, Kinh phí khám sức khỏe do Trung ương chi trả. Ngoài ra, được hỗ trợ 100% từ nguồn ngân sách tỉnh đối với chi phí phát sinh.

2. Đối tượng 2

a) Đối tượng 2 quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này (đương chức).

Được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại Bệnh viện Trung ương có chức năng nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp cao khu vực miền Bắc (Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Hữu Nghị) hoặc Bệnh viện

Trung ương khác được xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cùng cấp hoặc xếp cấp cao hơn Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Bệnh viện Hữu Nghị. Địa điểm khám cụ thể do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

Được hỗ trợ 100% kinh phí khám sức khỏe định kỳ và chi phí phát sinh.

b) Các đối tượng 2 không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này

Được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại Bệnh viện Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh hoặc Bệnh viện A hoặc Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn hoặc cơ sở y tế nơi cán bộ sinh sống, công tác. Địa điểm khám cụ thể do Giám đốc Sở Y tế quyết định.

Mức hỗ trợ: 100% chi phí khám sức khỏe định kỳ. Trường hợp phát sinh thêm thì mức hỗ trợ chi phí phát sinh thêm không vượt quá 2.000.000 đồng/người/đợt khám.

3. Đối tượng 3

a) Đối tượng 3 quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này (đương chức).

Được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại Bệnh viện Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh hoặc Bệnh viện A hoặc Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn hoặc cơ sở y tế nơi cán bộ sinh sống, công tác.

Mức hỗ trợ: 100% chi phí khám sức khỏe định kỳ. Trường hợp phát sinh thêm thì mức hỗ trợ chi phí phát sinh thêm không vượt quá 2.000.000 đồng/người/đợt khám.

b) Các đối tượng 3 không thuộc quy định tại điểm a khoản 3 Điều này

Được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại Bệnh viện A hoặc Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn hoặc cơ sở y tế nơi cán bộ sinh sống, công tác.

Mức hỗ trợ: 100% chi phí khám sức khỏe định kỳ. Trường hợp phát sinh thêm thì mức hỗ trợ chi phí phát sinh thêm không vượt quá 1.000.000 đồng/người/đợt khám.

4. Đối tượng 4, đối tượng 5

Được khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại Bệnh viện A hoặc Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn hoặc cơ sở y tế nơi cán bộ sinh sống, công tác.

Mức hỗ trợ: 100% chi phí khám sức khỏe định kỳ. Trường hợp phát sinh thêm thì mức hỗ trợ chi phí phát sinh thêm không vượt quá 1.000.000 đồng/người/đợt khám.

5. Đối tượng 6

Được khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm tại Bệnh viện A hoặc Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn hoặc cơ sở y tế nơi cán bộ sinh sống, công tác.

Mức hỗ trợ: 100% chi phí khám sức khỏe định kỳ.

6. Nội dung khám sức khỏe các đối tượng 2, 3, 4, 5, 6 thực hiện theo quy định của Bộ Y tế và Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hằng năm do tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được tỉnh giao nhiệm vụ ban hành. Địa điểm khám sức khỏe các đối tượng 3, 4, 5, 6 do Giám đốc Sở Y tế quyết định.

Chi phí khám sức khỏe định kỳ được chi trả theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe. Các nội dung khám mà phát sinh chi phí sẽ được thực hiện khi có chỉ định của bác sĩ hoặc yêu cầu của Hội đồng chuyên môn.

Điều 5. Hỗ trợ thăm khám, điều trị, theo dõi sức khỏe tại nhà hoặc tại cơ quan

1. Đối tượng 1

a) Đối tượng là Ủy viên Trung ương Đảng (bao gồm Ủy viên chính thức và Ủy viên dự khuyết); Bí thư Tỉnh ủy.

Sức khỏe loại A và loại B: Được thăm khám sức khỏe ít nhất 1 lần/tháng và khi có yêu cầu đột xuất. Sức khỏe loại C và loại D: Được thăm khám sức khỏe ít nhất 2 lần/tháng và khi có yêu cầu đột xuất.

b) Đối tượng là Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sức khỏe loại A và loại B: Được thăm khám sức khỏe ít nhất 3 tháng/lần và khi có yêu cầu đột xuất. Sức khỏe loại C và loại D: Được thăm khám sức khỏe ít nhất 2 tháng/lần và khi có yêu cầu đột xuất.

c) Mức chi: Được thanh toán 100% chi phí thực tế (bao gồm chi phí thực hiện dịch vụ y tế, vật tư y tế tiêu hao, thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe,...).

2. Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách tỉnh và đối tượng 2 quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này đương chức.

Thực hiện khi có yêu cầu. Được thanh toán 100% chi phí phát sinh (bao gồm chi phí thực hiện dịch vụ y tế, vật tư y tế tiêu hao, thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe,...) nhưng không quá 2.000.000 đồng/lần; một năm không quá 4 lần.

Điều 6. Hỗ trợ khám bệnh, điều trị bệnh tại cơ sở y tế; hỗ trợ phòng bệnh

1. Đối tượng 1

Được hỗ trợ 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế. Đồng thời được hỗ trợ 100% chi phí phát sinh (bao gồm cả điều trị theo yêu cầu) không nằm trong danh mục thanh toán của bảo hiểm y tế (dịch vụ y tế, thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ điều trị bệnh, bồi dưỡng và nâng cao sức khỏe) khi đi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế trong và ngoài tỉnh.

2. Đối tượng 2

a) Được hỗ trợ 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế; hỗ trợ 100% chi phí phát sinh (không áp dụng với trường hợp điều trị theo yêu cầu) không nằm trong danh mục thanh toán của bảo hiểm y tế (dịch vụ y tế, thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ điều trị bệnh, bồi dưỡng và nâng cao sức khỏe) khi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế đóng trên địa bàn tỉnh;

b) Trường hợp khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế không quy định tại điểm a khoản 2 Điều này sẽ được hỗ trợ 60% chi phí người bệnh cùng chi trả, tối đa 50.000.000 đồng/năm (không áp dụng điều trị theo yêu cầu);

c) Trường hợp khám bệnh, chữa bệnh cấp cứu tại các cơ sở y tế ngoài tỉnh: Được hỗ trợ 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế trong thời gian cấp cứu; sau giai đoạn cấp cứu sẽ được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

3. Đối tượng 3, đối tượng 4, đối tượng 5, đối tượng 6

Cán bộ khi đi khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế được cấp có thẩm quyền giao là đơn vị thường trực thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ (Bệnh viện A hoặc Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn) hoặc tại cơ sở y tế nơi cán bộ đang sinh sống:

a) Được hỗ trợ 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.;

b) Được hỗ trợ chi phí thanh toán dịch vụ y tế, thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe và sản phẩm dinh dưỡng hỗ trợ điều trị bệnh, bồi dưỡng và nâng cao sức khỏe không nằm trong danh mục thanh toán Bảo hiểm y tế (không áp dụng với trường hợp điều trị theo yêu cầu) như sau:

- Đối tượng 3: Mức hỗ trợ không quá 5.000.000 đồng/người/năm;
- Đối tượng 4: Mức hỗ trợ không quá 4.000.000 đồng/người/năm;
- Đối tượng 5: Mức hỗ trợ không quá 2.000.000 đồng/người/năm.

4. Công tác phòng bệnh

Áp dụng đối với đối tượng 1 (đương chức và nguyên chức) và đối tượng 2 đương chức.

Mức hỗ trợ: 100% các chi phí cho hoạt động phòng bệnh (các biện pháp khử khuẩn môi trường nơi làm việc, nơi cư trú; cung cấp vật tư, thiết bị y tế; xét nghiệm; tiêm phòng vắc xin,...).

Điều 7. Hỗ trợ khám sức khỏe phục vụ công tác cán bộ

1. Cán bộ trước khi được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ, được khám kiểm tra sức khỏe tại khoa/phòng thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ của Bệnh viện A hoặc Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn. Nội dung và mẫu phiếu khám sức khỏe thực hiện theo quy định tại Luật Khám chữa bệnh và Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

2. Mức hỗ trợ: 100% kinh phí khám sức khỏe.

3. Kinh phí khám sức khỏe thực hiện theo mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán bảo hiểm y tế của cơ sở y tế thực hiện khám sức khỏe. Trường hợp cán bộ đã thực hiện khám sức khỏe định kỳ quy định tại khoản 1 Điều này hoặc trước đó đã được hỗ trợ kinh phí khám sức khỏe quy định tại khoản này (trong vòng 6 tháng) thì cơ sở y tế sẽ sử dụng kết quả khám sức khỏe để cấp phiếu khám sức khỏe.

Điều 8. Hỗ trợ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ khi đi công tác trong nước và nước ngoài

Áp dụng đối với cán bộ thuộc đối tượng 1 (đương chức). Mức chi theo thực tế phát sinh.

Điều 9. Hỗ trợ điều dưỡng

Hỗ trợ điều dưỡng được thực hiện mỗi năm một lần. Cụ thể như sau:

1. Hỗ trợ điều dưỡng tập trung

a) Đối tượng 1: Thời gian điều dưỡng không quá 10 ngày/năm. Mức chi không quá 20.000.000 đồng/người/năm;

b) Đối tượng 2 quy định tại các điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này: Thời gian không quá 07 ngày/năm. Mức chi không quá 15.000.000 đồng/người/năm;

c) Mức chi hỗ trợ điều dưỡng đã bao gồm cả chi phí đưa đón, ăn uống, ngủ nghỉ và các chi phí phát sinh khác. Địa điểm điều dưỡng do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

2. Hỗ trợ điều dưỡng tại nhà

a) Đối tượng 2 quy định tại điểm đ, g, h, i khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này được hỗ trợ điều dưỡng tại nhà: 7.500.000 đồng/người/năm;

b) Trường hợp các đối tượng quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này không đi điều dưỡng tập trung theo kế hoạch của tỉnh thì được hỗ trợ điều dưỡng tại nhà, mức chi bằng 50% mức hỗ trợ điều dưỡng tập trung;

c) Đối tượng 3, đối tượng 4, đối tượng 5 được hỗ trợ điều dưỡng tại nhà với mức chi cụ thể như sau:

- Đối tượng 3: 3.000.000 đồng/người/năm (không bao gồm đối tượng quy định tại điểm h khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này);

- Đối tượng 4 (không bao gồm đối tượng quy định tại điểm k, điểm l, điểm p khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này và Giám đốc ngân hàng thương mại có vốn nhà nước chi phối trên địa bàn tỉnh): 2.000.000 đồng/năm;

- Đối tượng 5 (không bao gồm đối tượng quy định tại điểm g khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này và Phó Giám đốc ngân hàng thương mại có vốn nhà nước chi phối trên địa bàn tỉnh): 1.000.000 đồng/người/năm.

Điều 10. Chi phí phát sinh khi thực hiện nhiệm vụ

1. Chi hội chẩn chuyên môn

Trường hợp cán bộ quy định tại Điều 2 Nghị quyết này mắc bệnh phức tạp, khó chẩn đoán cần hội chẩn với chuyên gia (Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa 2) được thanh toán chi phí hội chẩn chuyên môn. Cụ thể như sau:

a) Đối với chuyên gia thuộc các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế: Thực hiện theo giá dịch vụ hội chẩn được cấp có thẩm quyền quy định có hiệu lực tại cùng thời điểm;

b) Đối với chuyên gia thuộc các bệnh viện tuyến Trung ương: 2.000.000 đồng/chuyên gia/lần hội chẩn/ca bệnh.

2. Chi phí phát sinh khác

Các đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 2 khi được phân công thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ quy định tại Nghị quyết này mà phát sinh các chi phí đi lại, đưa đón cán bộ, tiền ăn, tiền ngủ, làm ngoài giờ,... thì sẽ được thanh toán các chi phí phát sinh. Trong đó: Tiền đi lại, tiền ngủ áp dụng chế độ công tác phí theo quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị, tổ chức; chi phí ăn uống sẽ được áp dụng định mức chi tiếp khách trong nước; tiền làm ngoài giờ áp dụng theo Luật Lao động hiện hành. Trường hợp thực hiện nhiệm vụ đưa đoàn cán bộ đi điều dưỡng tập trung quy định tại Điều 9 Nghị quyết này thì chi phí đi lại, ăn ngủ và các chi phí khác được thực hiện theo chế độ chung của đoàn.

Điều 11. Chi cho công tác khám bệnh, chữa bệnh cho cán bộ của Trung ương đến làm việc tại tỉnh và đối tượng 1 nguyên chức nhưng không thường trú, sinh sống trên địa bàn tỉnh

Cán bộ quy định tại khoản 7 Điều 2 Nghị quyết này đến tỉnh công tác và cán bộ đã nghỉ hưu có chức danh quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này không thường trú, sinh sống trên địa bàn tỉnh nhưng đến tỉnh lưu trú có phát sinh bệnh sẽ được hỗ trợ 100% chi phí khám, chẩn đoán, điều trị bệnh ngoài phạm vi thanh toán của bảo hiểm y tế trong thời gian điều trị bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh (không áp dụng đối với trường hợp điều trị theo yêu cầu).

Điều 12. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách tỉnh.

Hàng năm, căn cứ vào nhiệm vụ được giao, giá dịch vụ y tế, kinh phí đã thực hiện của năm trước liền kề, ngành y tế xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền cấp kinh phí để thực hiện các nội dung chi quy định tại Nghị quyết này./.